TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **117**/2025/HS-ST
Ngày: 20 - 5 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Duy Chinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhung 2. Bà Trần Thị Lan Hương.

Thư ký phiên tòa tại điểm cầu trung tâm: Ông Nguyễn Đình Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Thư ký phiên tòa tại điểm cầu thành phần: Ông Lê Đức Chính - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến tại điểm cầu Trung tâm Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 101/2025/TLST-HS, ngày 17/4/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2025/QĐXXST-HS ngày 08/5/2025, đối với bị cáo:

Họ và tên: NGUYỄN TIẾN L, sinh ngày 04/7/1976 tại Thái Nguyên; tên gọi khác: không. Nơi cư trú: Tổ E, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Tiến L1 (Đã chết), con bà: Nguyễn Thị L2. Có vợ Phùng Thị M (Đã ly hôn), và có hai con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2009. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/02/2025 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T.

(Có mặt tại phiên tòa).

- **Bị hại:** Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1960.

Trú tại: Tổ D, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

(Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Bùi Thị N, sinh năm 1964

Trú tại: Tổ D, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

(Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

2. Anh Nguyễn Văn Ú, sinh năm 1976

Trú tại: Tổ B, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

(Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

- Người làm chứng:

1. Ông Phạm Quang H, sinh năm 1956

Trú tại: Tổ E, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. *(Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).*

2. Anh Nguyễn Anh T1, sinh năm 1978

Trú tại: Tổ E, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. *(Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 04/02/2025, Nguyễn Tiến L đi bộ một mình đến Nhà Văn hóa tổ E, phường Q, thành phố T để xem Lễ mừng thọ cho người cao tuổi. L đi vào trong ngồi xem khoảng 30 phút rồi đi bộ ra ngoài thì thấy trên sân Nhà văn hóa có 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Click, BKS: 20M8-6156, số khung: Y782538, số máy: F18E-0235197, đã qua sử dụng (không có người trông coi, chưa rút chìa khóa điện) của ông Nguyễn Trọng T, nên L nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. L tiến đến vị trí xe mô tô, khởi động xe rồi điều khiển về nhà. Do lo sợ bị phát hiện nên L dùng mỏ lết tháo biển kiểm soát của xe rồi cho vào bên trong cốp. Sau đó, L một mình điều khiển xe mô tô trên đến gửi tại nhà anh Nguyễn Văn Ú, sinh năm 1976, trú tại: tổ B, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, là bạn của L, rồi đi bộ về nhà.

Đến khoảng 16 giờ ngày 04/02/2025, ông T từ trong Nhà văn hóa đi ra phát hiện chiếc xe mô tô của mình đã bị mất nên đến Công an phường Q trình báo.

Tại Kết luận định giá tài sản số 44/KL-HĐĐGTS ngày 24/02/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố T kết luận: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Click, BKS: 20M8-6156, số khung: Y782538, số máy: F18E-0235197, đã qua sử dụng, có giá trị là 8.000.000 đồng.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Click, BKS: 20M8-6156, số khung: Y782538, số máy: F18E-0235197, đã qua sử dụng. Hiện Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà Bùi Thị N (vợ của ông Nguyễn Trọng T) là chủ sở hữu hợp pháp quản lý, sử dụng. 01 (một) USB chứa video clip ghi lại hình ảnh vụ việc, hiện được lưu trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Trọng T và bà Bùi Thị N đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì.

Quá trình điều tra và tại phiên toà, Nguyễn Tiến L đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bản cáo trạng số 105/CT-VKSTPTN, ngày 17/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Nguyễn Tiến L về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, trong phần luận tội đối với bị cáo, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên giữ nguyên quan điểm truy tố. Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Tiến L phạm tội: "Trộm cắp tài sản". Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến L từ 9 đến 12 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Xử lý vật chứng theo quy định. Phần dân sự: Bị hại, Người liên quan đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì về phần bồi thường dân sự. Bị cáo phải chịu án phí và được quyền kháng cáo theo quy định.

Trong phần tranh luận, bị cáo thừa nhận việc truy tố, xét xử là không oan, đúng người, đúng tội, không tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là sai, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm trở về với gia đình và xã hội. Bị cáo cam kết sẽ không tái phạm nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T); Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên; Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp lời khai trong quá trình điều tra, biên bản sự việc, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, kết luận giám định và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Hồi 14 giờ 30 phút ngày 04/02/2025 tại tổ E, phường Q, thành phố T, Nguyễn Tiến L lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của công dân, bị cáo L đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Click, BKS 20M8-6156, trị giá 8.000.000 đồng của ông Nguyễn Trọng T. Hiện tài sản

đã được thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Bùi Thị N (vợ ông L) quản lý, sử dụng..

Hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật viện dẫn nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng".

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng nhưng nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp tới quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự của địa phương. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, thấy: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối lỗi về hành vi thực hiện tội phạm của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại đơn xin xét xử vắng mặt, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân, bị cáo có nhân thân tốt. Do đó, căn cứ vào nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cũng như tính chất, mức độ của tội phạm, Hội đồng xét xử xem xét cân nhắc mức hình phạt phù hợp đối với bị cáo theo quy định pháp luật và xét thấy cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội đồng thời răn đe phòng ngừa chung. Do vậy cần xử phạt bị cáo mức án từ 9 đến 12 tháng tù là phù hợp đối với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[4] Về việc áp dụng hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có tài sản riêng, không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên thấy không cần thiết phạt bổ sung bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường gì. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội đối với bị cáo như đề nghị về tội danh, điều luật áp dụng, hình phạt, án phí là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Tiến L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tiến L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến L **9** *(*Chín*)* tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/02/2025.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Tiến L phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng)* án phí Hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố Thái Nguyên;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra CA tỉnh Thái Nguyên;
- CQTHAHS Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục T.H.A DS thành phố Thái Nguyên;
- Bị cáo; bị hại, người có QLNVLQ;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Duy Chinh